

1. MỤC TIÊU

1.1. **Kiến thức.** Học sinh ôn tập các kiến thức về:

- Biểu mẫu.
- Liên kết giữa các bảng.
- Mẫu hỏi trên 1 bảng và trên nhiều bảng.

1.2. **Kĩ năng:** Học sinh rèn luyện các kĩ năng:

- Biết cách tạo biểu mẫu từ CSDL có sẵn.
- Biết cách tạo liên kết giữa các bảng.
- Biết cách tạo mẫu hỏi để đưa ra CSDL thỏa mãn điều kiện cho trước.
- Biết cách sử dụng các công thức toán học và chỉnh sửa các thuộc tính của các trường trong CSDL kết xuất ra.

2. NỘI DUNG

2.1. Các dạng câu hỏi định tính:

1. Biểu mẫu là gì? Sự khác biệt khi nhập CSDL trên bảng và biểu mẫu là gì?
2. Tại sao cần tạo liên kết giữa các bảng?
3. Truy vấn dữ liệu là gì? Mẫu hỏi là gì? Công dụng của mẫu hỏi?
4. Cách tạo mẫu hỏi, các biểu thức trong mẫu hỏi thường bao gồm những gì?

2.2. Các dạng câu hỏi định lượng:

1. Hãy cho biết sự khác nhau giữa chế độ biểu mẫu và chế độ thiết kế của biểu mẫu.
2. Hãy nêu thứ tự các thao tác tạo biểu mẫu bằng thuật sĩ.
3. Hãy nêu các bước tạo biểu mẫu để nhập và sửa thông tin cho mỗi học sinh.
4. Ôn tập các bài tập và thực hành 5, 6, 7 trong SGK.

2.3. Ma trận

TT	Nội dung kiến thức/ kĩ năng	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								% tổng điểm			
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH		Điểm	% điểm
			TN	TH	TN	TH	TN	TH	TN	TH	TN	TH		
1	Hệ quản trị CSDL Microsoft ACCESS	1. Biểu mẫu	4		2			1			6	1	3	30
		2. Liên kết giữa các bảng	5		2			1			7	1	3,25	32,5
		3. Truy vấn dữ liệu	5		2			1			7	1	3,75	37,5
Tổng			14		6		3			20	3	10	100	
Tỉ lệ (%)		Tổng số câu: 23	61		26		13			48	52			
Tổng số điểm			T. Nghiệm - 5đ		T. Hành - 5đ									

2.4. Câu hỏi và bài tập minh họa

PHẦN I: LÝ THUYẾT

Câu 1: Để tạo biểu mẫu ta chọn đối tượng nào trên bảng chọn đối tượng?

- A. Queries B. Forms C. Tables D. Reports

Câu 2: Trong Access, ta có thể sử dụng biểu mẫu để :

- A. Tính toán cho các trường tính toán B. Sửa cấu trúc bảng
C. Xem, nhập và sửa dữ liệu D. Lập báo cáo

Câu 3: Để tạo biểu mẫu, trước đó phải có dữ liệu nguồn là từ:

- A. Bảng hoặc mẫu hỏi B. Bảng hoặc báo cáo
C. Mẫu hỏi hoặc báo cáo D. Mẫu hỏi hoặc biểu mẫu

Câu 4: Trong Access, muốn tạo biểu mẫu theo cách dùng thuật sĩ, ta chọn:

- A. Create form for using Wizard B. Create form by using Wizard
C. Create form with using Wizard D. Create form in using Wizard

Câu 5: Trong Access, muốn tạo biểu mẫu theo cách tự thiết kế, ta chọn:

- A. Create form in Design View B. Create form by using Wizard
C. Create form with using Wizard D. Create form by Design View

Câu 6: Cho các thao tác:

(1) Gõ tên cho biểu mẫu rồi nháy Finish

(2) Chọn đối tượng Form trong bảng chọn đối tượng rồi nháy đúp vào Create form by using wizard

(3) Chọn kiểu cho biểu mẫu rồi nhấn Next

(4) Chọn cách bố trí biểu mẫu rồi nhấn Next

(5) Trong hộp thoại Form Wizard, chọn bảng (hoặc mẫu hỏi) từ ô Tables/Queries, tiếp theo là chọn các trường đưa vào biểu mẫu rồi nhấn Next

Trình tự các thao tác để có thể thực hiện tạo biểu mẫu bằng cách dùng thuật sĩ sẽ là:

- A (2) → (5) → (3) → (4) → (1) B. A (2) → (5) → (4) → (3) → (1)
C. (5) → (2) → (3) → (4) → (1) D. A (2) → (3) → (4) → (5) → (1)

Câu 7: Các thao tác thay đổi hình thức biểu mẫu, gồm:

-
- A. Thay đổi nội dung các tiêu đề B. Sử dụng phông chữ tiếng Việt
C. Di chuyển các trường, thay đổi kích thước trường D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 8: Chỉnh sửa biểu mẫu (thay đổi hình thức biểu mẫu) chỉ thực hiện được ở chế độ:

- A. Thiết kế B. Trang dữ liệu C. Biểu mẫu D. Thuật sĩ

Câu 9: Phát biểu nào trong các phát biểu sau là sai?

- A. Chế độ biểu mẫu có giao diện thân thiện, thường được sử dụng để cập nhật dữ liệu
B. Bảng ở chế độ hiển thị trang dữ liệu có thể được sử dụng để cập nhật dữ liệu
C. Để làm việc trên cấu trúc của biểu mẫu thì biểu mẫu phải ở chế độ thiết kế
D. Có thể tạo biểu mẫu bằng cách nhập dữ liệu trực tiếp (nháy đúp vào Create form by entering data)

Câu 10: Trong chế độ thiết kế của biểu mẫu, ta có thể:

- A. Sửa đổi cấu trúc của biểu mẫu B. Sửa đổi dữ liệu
C. Nhập và sửa dữ liệu D. Xem, sửa, xóa và nhập dữ liệu

Câu 11: Liên kết giữa các bảng cho phép:

- A. Tránh được dư thừa dữ liệu C. Có thể có được thông tin tổng hợp từ nhiều bảng
C. Nhất quán dữ liệu D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 12: Để tạo liên kết giữa các bảng, ta chọn:

- A. Tool/ Relationships hoặc nháy nút  B. Tool/ Relationships
C. Edit/ Insert/ Relationships D. Tất cả đều đúng

Câu 13: Sắp xếp các bước theo đúng thứ tự thực hiện để tạo liên kết giữa hai bảng:

1. Kéo thả trường khóa làm liên kết từ bảng phụ tới bảng chính(trường khóa làm khóa chính)
2. Chọn các tham số liên kết
3. Hiện thị hai bảng (các trường) muốn tạo liên kết
4. Mở cửa sổ Relationships

A. 2→4→1→3

B. 4→3→1→2

C. 4→2→3→1

D.

3→1→4→2

Câu 14: Các bước để tạo liên kết giữa các bảng là:

1. Chọn Tool\Relationships...
2. Tạo liên kết đôi một giữa các bảng
3. Đóng hộp thoại Relationships/ Yes để lưu lại
4. Chọn các bảng sẽ liên kết

A.1, 4, 2, 3

B.2, 3, 4, 1

C.1, 2, 3, 4

D.4, 2, 3, 1

Câu 15: Trong Access, để tạo liên kết giữa 2 bảng thì hai bảng đó phải có hai trường thỏa mãn điều kiện:

A. Có tên giống nhau

B. Có kiểu dữ liệu giống nhau

C. Có ít nhất một trường là khóa chính

D. Cả A, B, C

Câu 16: Truy vấn dữ liệu có nghĩa là:

A. In dữ liệu

C. Tìm kiếm và hiển thị dữ liệu

B. Cập nhật dữ liệu

D. Xóa các dữ liệu không cần đến nữa

Câu 17: Nếu những bài toán mà câu hỏi chỉ liên quan tới một bảng, ta có thể:

A. Thực hiện thao tác tìm kiếm và lọc trên bảng hoặc biểu mẫu

B. Sử dụng mẫu hỏi

C. A và B đều đúng

D. A và B đều sai

Câu 18: Nếu những bài toán phức tạp, liên quan tới nhiều bảng, ta sử dụng:

A. Mẫu hỏi

B. Bảng

C. Báo cáo

D. Biểu mẫu

Câu 19: Để hiển thị một số bản ghi nào đó trong cơ sở dữ liệu, thống kê dữ liệu, ta dùng:

A. Mẫu hỏi

B. Câu hỏi

C. Liệt kê

D. Trả lời

Câu 20: Trước khi tạo mẫu hỏi để giải quyết các bài toán liên quan tới nhiều bảng, thì ta phải thực hiện thao tác nào?

A. Thực hiện gộp nhóm

B. Liên kết giữa các bảng

C. Chọn các trường muốn hiện thị ở hàng Show

D. Nhập các điều kiện vào lưới QBE

Câu 21: Mẫu hỏi thường được sử dụng để:

A. Sắp xếp các bản ghi, chọn các trường để hiển thị, thực hiện tính toán

B. Chọn các bản ghi thỏa mãn điều kiện cho trước

C. Tổng hợp và hiển thị thông tin từ nhiều bảng hoặc mẫu hỏi khác

D. Cả A, B và C

Câu 22: Các chế độ làm việc với mẫu hỏi là:


A. Mẫu hỏi


B. Mẫu hỏi và thiết kế


C. Trang dữ liệu và thiết kế


D. Trang dữ liệu và mẫu hỏi

Câu 23: Để sắp xếp dữ liệu trường nào đó tăng dần ta chọn biểu tượng nào sau đây?


A. Biểu tượng 


B. Biểu tượng 


C. Biểu tượng 


D. Biểu tượng 

Câu 24: Để sắp xếp dữ liệu trường nào đó giảm dần ta chọn biểu tượng nào sau đây?

A. Biểu tượng 

B. Biểu tượng 

C. Biểu tượng 

D. Biểu tượng 

Câu 25: Bảng đã được hiển thị ở chế độ trang dữ liệu, với một trường đã chọn, muốn sắp xếp các bản ghi theo thứ tự tăng, thao tác thực hiện lệnh nào sau đây là đúng?

A. Record/Sort/Sort Descending

B. Insert/New Record

C. Edit/ Sort Ascending

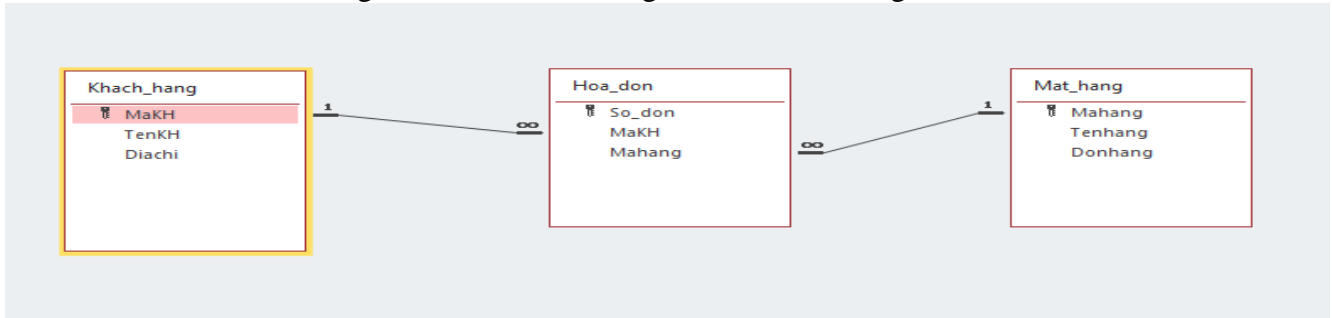
D. Record/Sort/Sort Ascending

PHẦN II: THỰC HÀNH

Câu 1:

a. Tạo CSDL Kinh doanh theo mẫu dưới đây :

Chế độ thiết kế, chế độ trang dữ liệu, tạo đối tượng mới, mở đối tượng.



b. Chỉ định khóa chính cho mỗi bảng.

c. Nhập mỗi bảng 5 bản ghi bất kỳ.

Câu 2:

a. Thêm mỗi bảng 1 bản ghi mới, xoá bản ghi số 2.

b. Sắp xếp Mã hàng theo chiều tăng dần.

Câu 3: Tìm kiếm mặt hàng có tên là “Dầu gội đầu”.

Câu 4: Tạo biểu mẫu để cập nhật dữ liệu cho bảng Hóa đơn.

Câu 5: Tạo liên kết cho các bảng theo mẫu trên. Lưu và thoát khỏi Access.

2.5. Đề minh họa

I. Trắc nghiệm(5 điểm)

Câu 1: Chọn phát biểu đúng. Biểu mẫu được thiết kế để:

A. Hiện thị dữ liệu trong bảng dưới dạng thuận tiện để xem, nhập và sửa dữ liệu

B. Thực hiện các thao tác thông qua các nút lệnh

C. Lưu trữ dữ liệu

D. Câu A và B đúng

Câu 2: Trong chế độ biểu mẫu, muốn lọc các bản ghi theo ô dữ liệu đang chọn, sau khi đã chọn ô dữ liệu, ta nhấn nút lệnh nào sau đây?

A.

B.

C.

D.

Câu 3: Mọi thao tác như xem, tạo, sửa, xóa liên kết đều được thực hiện trong cửa sổ nào sau đây?

A. Show Table

B. Relationship

C. Form Wizard

D. Design View

Câu 4: Trong Access, nút lệnh có chức năng nào sau đây?

A. Xem kết quả thực hiện mẫu hỏi

B. Thêm hàng Total vào lưới thiết kế

C. Tính tổng các bản ghi theo điều kiện nào đó

D. Thêm bảng làm dữ liệu nguồn cho mẫu hỏi

Câu 5: Quan sát và cho biết ý nghĩa của mẫu hỏi sau:

Field:	To	TB Toán: Toán	TB Văn: Văn
Table:	Hoc_Sinh	Hoc_Sinh	Hoc_Sinh
Total:	Group By	Avg	Avg
Sort:	Ascending		
Show:	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Criteria:			
or:			

- A. Tính trung bình điểm Toán và điểm Văn theo từng tổ
- B. Thống kê số lượng học sinh học môn Toán và môn Văn theo từng tổ
- C. Sắp xếp theo thứ tự tăng dần của điểm Toán và điểm Văn
- D. Thống kê điểm cao nhất của điểm Toán và điểm Văn

Câu 6: Sử dụng đối tượng nào là thích hợp nhất khi cần tổng hợp, trình bày và in dữ liệu theo khuôn dạng?

- A. Báo cáo
- B. Biểu mẫu
- C. Mẫu hỏi
- D. Bảng

Câu 7: Trường lưu địa chỉ của học sinh có kiểu xâu, kích thước 80 ký tự. Một bản ghi có nội dung là “65 Quang Trung”. Sau khi kiểm tra phát hiện thấy nhầm lẫn, địa chỉ được sửa lại thành” 155 Quang Trung”. Kích thước của trường này thay đổi như thế nào?

- A. Tăng thêm 2 byte
- B. Không thay đổi
- C. Tăng thêm một lượng đúng bằng kích thước một bản ghi
- D. Tất cả đều sai

Câu 8: Trước khi tạo mẫu hỏi để giải quyết các bài toán liên quan tới nhiều bảng, thì ta phải thực hiện thao tác nào?

- A. Thực hiện gộp nhóm
- B. Liên kết giữa các bảng
- C. Chọn các trường muốn hiển thị ở hàng Show
- D. Nhập các điều kiện vào lưới QBE

Câu 9: Trong quá trình tạo cấu trúc của một bảng, khi tạo một trường, việc nào sau đây không nhất thiết phải thực hiện?

- A. Đặt kích thước
- B. Mô tả nội dung
- C. Đặt tên, các tên của các trường cần phân biệt
- D. Chọn kiểu dữ liệu

Câu 10: Thao tác khai báo cấu trúc bảng bao gồm:

- A. Khai báo kích thước của trường, tạo liên kết giữa các bảng và chỉ định kiểu dữ liệu cho mỗi trường
- B. Khai báo kích thước của trường, đặt tên các trường và chỉ định kiểu dữ liệu cho mỗi trường
- C. Đặt tên các trường và chỉ định kiểu dữ liệu cho mỗi trường
- D. Tạo liên kết giữa các bảng và chỉ định kiểu dữ liệu cho mỗi trường

Câu 11: Thuật ngữ "quan hệ" dùng trong hệ CSDL quan hệ là để chỉ đối tượng:

- A. Hàng
- B. Cột
- C. Bảng
- D. Kiểu dữ liệu của một thuộc tính

Câu 12: Mẫu hỏi thường được sử dụng để:

- A. Chọn các bản ghi thỏa mãn điều kiện cho trước
- B. Sắp xếp các bản ghi, chọn các trường để hiển thị, thực hiện tính toán
- C. Tổng hợp và hiển thị thông tin từ nhiều bảng hoặc mẫu hỏi khác
- D. Tất cả các câu còn lại đúng

Câu 13: Cho các thao tác sau:

B1: Tạo bảng B2: Đặt tên và lưu cấu trúc B3: Chọn khóa chính cho bảng B4: Tạo liên kết khi tạo lập CSDL quan hệ ta thực hiện lần lượt các bước sau:

- A. B1-B3-B4-B2
- B. B2-B1-B2-B4
- C. B1-B2-B3-B4
- D. B1-B3-B2-B4

Câu 14: Trong mô hình quan hệ, về mặt cấu trúc thì dữ liệu được thể hiện trong các:

- A. Hàng (Record)
- B. Bảng (Table)
- C. Báo cáo (Report)
- D. Cột (Field)

Câu 15: Chỉnh sửa dữ liệu là:

A. Xoá một số thuộc tính

B. Xoá giá trị của một vài thuộc tính của một bộ

C. Xoá một số quan hệ

D. Thay đổi các giá trị của một vài thuộc tính của một bộ

Câu 16: Để tạo một báo cáo, cần trả lời các câu hỏi gì? **Câu 23:** Khi muốn thiết lập quan hệ (Relationship) giữa hai bảng thì mỗi bảng phải?

A. Có chung ít nhất một trường

B. Có ít nhất ba trường

C. Có ít nhất một mẫu tin

D. Có chung ít nhất hai trường

Câu 17: Khi tạo bảng ta không cần làm điều gì?

A. Xác định số lượng bản ghi của bảng

B. Đặt tên các trường

C. Khai báo kích thước của trường

D. Chỉ định kiểu dữ liệu cho mỗi trường

Câu 18: Trong CSDL, tên một học sinh trong trường "Họ Tên" được chỉnh sửa từ "Quan" thành "Quang". Kích thước của CSDL này thay đổi thế nào khi lưu trữ?

A. Tăng 1 byte

B. Tăng 2 byte

C. Không thay đổi

D. Giảm 1 byte.

Câu 19: Trường hợp nào sau đây cần thêm ít nhất một bộ (record) trong CSDL quản lý sinh viên?

A. Có một khoa mới thành lập.

B. Có một giảng đường mới đưa vào sử dụng.

C. Một giảng viên nghỉ hưu.

D. Một sinh viên mới lập gia đình.

Câu 20: Quan sát lưới thiết kế sau và cho biết điều kiện lọc dữ liệu của mẫu hỏi:

Field:	MaSV	Quan	GioiTinh
Table:	SinhVien	SinhVien	SinhVien
Total:	Count	Group By	Group By
Sort:			
Show:	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Criteria:		"Q3"	"Nam"
or:			

A. Lọc ra những sinh viên ở Q3.

B. Lọc ra những sinh viên nam ở Q3.

C. Tính tổng số sinh viên nam ở Q3.

D. Tính tổng số sinh viên ở Q3.

II. THỰC HÀNH:(5 điểm)

Bài 1. Khởi động Access, tạo CSDL với tên QLHANG_HOA, trong CSDL này tạo các bảng có cấu trúc được mô tả như sau:

Tên bảng	Tên trường	Khóa chính	Kiểu dữ liệu
NHAN_VIEN	MaNV	Key	Text
	HoDem		Text
	Ten		Text
	GT		Text
	NGAYSINH		Date/Time
PHONG_BAN	MaPB	Key	Text
	TenPB		Text
LUONG	ID	Key	Text

	MaNV		Text
	MaPB		Text
	LuongCB		Currency
	HeSo		Number

Bài 2. Thiết lập các mối liên kết giữa các bảng.

Bài 3. Nhập dữ liệu vào ba bảng với nội dung sau:

NHAN_VIEN : Table					
	MaNV	HoDem	Ten	GT	NgaySinh
+	NV01	Trần Thanh	Hoa	Nữ	10/06/1998
+	NV02	Nguyễn Văn	Tuấn	Nam	20/03/1997
+	NV03	Trần Ngọc	Giàu	Nữ	06/12/1997
+	NV04	Hoàng Bảo	Châu	Nữ	21/02/1996
+	NV05	Trần Ngọc	Hoài	Nam	21/10/1998
+	NV06	Văn Minh	Đức	Nam	30/05/1997
+	NV7	Trương Tuyết	Ngân	Nữ	11/02/1998
+	NV8	Văn Tiến	Đạt	Nam	16/11/1997
+	NV9	Trần Thái	An	Nam	20/10/1995

PHONG_BAN : Table		
	MaPB	TenPB
+	H	Hành chính
+	K	Kinh doanh

LUONG : Table					
	ID	MaNV	MaPB	LuongCB	HeSo
1		NV01	H	550	5.3
2		NV02	K	450	4.3
3		NV03	K	600	6.3
4		NV04	H	700	7.3
5		NV05	H	450	4.3
6		NV06	K	500	5.3
7		NV07	K	600	6.3
8		NV08	H	700	7.3
9		NV09	H	490	4.3
				0	0.0

Bài 4. Tạo mẫu hỏi đáp ứng các yêu cầu sau:

- Liệt kê và sắp theo thứ tự họ đệm, tên, ngày sinh, lương cơ bản, hệ số của các nhân viên nữ.
- Thống kê họ đệm, tên các nhân viên phòng kinh doanh có lương cơ bản trên 500.
- Thống kê lương cơ bản trung bình của các nhân viên theo phòng ban.
- Hiển thị họ đệm, tên, lương của các nhân viên nam

*Biết: Lương = Lương cơ bản * Hệ số.*

-----HẾT-----

Hoàng Mai, ngày 3 tháng 2 năm 2024
TỔ (NHÓM) TRƯỞNG
PHAN TRỌNG DŨNG